

# Cò cảm, Cu-li...

Nguyễn Dư

Bạn bè vui miệng hỏi:

- Về hưu, ông làm gì cho hết ngày?
- Chẳng làm gì cho ra hồn. Mình không có cái thú "Một mai, một cốc, một cần câu" của các cụ ngày xưa. Không biết "cầm, Kỳ, thi, tửu" là cái quái gì, không bị "ba cái lẳng nhăng nó quấy ta"...
- Thế thì... chán chết!
- Chán... cũng không luôn! Những lúc được "ăn không ngồi rồi" thì nhâm nhi cà phê, xem tranh Oger, đọc sách xưa, viết vớ vẩn...
- Ờ, ờ... Vớ vẩn như ông... cũng hết ngày!

\*\*\*



Xem tranh Kỹ thuật của người An Nam (Technique du peuple Annamite) của Oger, khắc in năm 1909, tại Hà Nội, dễ bị "sa lầy", mất khá nhiều thì giờ, vì có nhiều tấm... "lạc đề", quay sang vẽ sinh hoạt của Hà Nội năm xưa (Xin mạn phép, bắt chước cụ Vương Hồng Sển, gọi như vậy).

Oger "lạc đề" nhưng không bị số toẹt, ngược lại còn được tán thưởng vì những tấm tranh này rất quý cho những ai tò mò muốn tìm hiểu. Chỉ phiền một điều là chúng bắt người xem phải "Xem đọc rồi lại xem ngang". Tên tranh khó hiểu. Phải tra tìm chữ Hán. Phải mò mẫm chữ Nôm. Khó nhất là phải tìm hiểu ngôn ngữ bình dân của thời Pháp thuộc. Phải... phải mất cả tuần, đôi khi cả tháng mới vỡ lẽ. Mới hiểu tên tranh.

Lúc đó quả thật... sướng ời là sướng! Sướng hơn lúc được cuốn trôi bát phở "ngon nhất Việt Nam", hay những lúc được bóc cặn lon bia "ngon nhất thế giới". Lải nhải xong rồi, bây giờ mời các bạn đi thăm mấy nhân vật "cần tìm hiểu" của Hà Nội năm xưa.

## Trường phố

Tranh Oger có tấm Phố trưởng tuần hành (Trường phố đi tuần). Ông trường phố, khăn đóng áo dài, chân diện giày tây, tay xách ba-toong, dẫn hai đàn em vác gậy gộc đi tuần. Ai cũng biết rằng xưa kia gia đình Việt Nam có gia trường.

Làng xóm có xã trưởng, lý trưởng. Xa hơn thì có huyện trưởng, tỉnh trưởng. Thời Pháp, thành phố Hà Nội (và các thành phố khác?) còn có thêm mấy ông trường phố (chữ Hán là phố trưởng).

## Trường phố là ai, làm gì?

Sách vở của ta bàn luận rất nhiều, mổ xẻ rất kĩ về cách tổ chức, cai trị làng xóm của cả ba miền đất nước, từ thời nhà Nguyễn đến thời Pháp thuộc. Nhưng không thấy ai nói đến mấy ông trường phố. Có thể một phần vì làng xóm không có phố, cho nên không có trường phố. Đỡ phải bận tâm?

Trường phố chỉ có mặt tại các thành phố.

Sách Lịch sử Hà Nội (Histoire de Hanoi) của Philippe Papin có cả một chương nói về Thời của các ông trường phố (Le règne des chefs de rue) (1). Papin đã tham khảo kho lưu trữ hồ sơ của toà Đốc lý Hà Nội và cho biết rằng Hà Nội đã có trường phố từ năm 1850. Dưới thời Pháp thuộc, bắt đầu từ năm 1884, chính quyền thực dân dùng trường phố làm trung gian giúp dân chúng liên lạc với chính quyền. Trách nhiệm và quyền hạn ban đầu của trường phố là trông coi đường phố, thu thuế, tổ chức lễ hội, chứng nhận khai báo cư trú.

Vài năm sau, thành phố Hà Nội bắt đầu được mở rộng. Nhiều làng xã chung quanh bị sáp nhập vào thành phố.

Trường phố bây giờ được quyền trông coi cả những làng xã mới thuộc thành phố Hà Nội này. Người Pháp bắt đầu thay đổi lề lối tổ chức của làng xã Việt Nam.

Đầu thế kỉ 20, có hai sự cố quan trọng xảy ra tại Hà Nội:

- Năm 1903, thành phố bị dịch hạch.
- Năm 1908, xảy ra vụ đầu độc lính Pháp đóng trong thành Hà Nội.

Chính quyền thực dân thấy cần phải kiểm soát khắt khe hơn mấy ông trưởng phố.

- Năm 1914, Pháp quyết định huỷ bỏ thông lệ để dân tự bầu trưởng phố.

Trưởng phố từ nay sẽ do Đốc lý thành phố Hà Nội bổ nhiệm, thời hạn là hai năm.

Tệ nạn chạy chọt, luồn cúi để được làm trưởng phố bắt đầu. Để "trả ơn" bề trên, trưởng phố từ nay phải biết điều, cúi đầu làm tay sai, làm mật thám cho Pháp...

Trên thực tế thì nhiệm Kỳ của trưởng phố được Đốc lý cho co dãn, kéo dài trung bình là 7 năm. Nhưng, có nhiều trường hợp... ngoại lệ:

Đỗ Thượng Tín được Pháp cho "cai trị" phố Hàng Bạc liên tục suốt 24 năm (từ 1915 đến 1939). Trần Quang Thiên được "ăn dằm ở dề" 26 năm tại phố Hàng Đồng (từ 1920 đến 1946). Thậm chí có trưởng phố được Tây thưởng, cho "cha truyền con nối".

Trưởng phố bây giờ được Đốc lý giao thêm nhiều công việc. Nào giải quyết các xích mích giữa người Việt, canh chừng người Hoa, giữ trật tự, chứng nhận giấy tờ hộ tịch, hạnh kiểm. Nào kiểm soát xây cất, thu thuế cho chính quyền...

\*\*\*

Trưởng phố có nhiều quyền, tha hồ hạch sách, những nhiễu dân chúng. Nhiều ông tự bỏ tiền túi ra thuê mướn thêm đàn em, lập thành phe nhóm "xã hội đen", tác yêu tác quái.

\*\*\*

## Cò, Cầm

Đầu thế kỷ 20, có lẽ Tú Xương (1870-1907) là người đầu tiên lên tiếng cảnh báo bà con:

*Hà Nam danh giá nhất ông Cò  
Trông thấy ai ai chẳng dám ho  
(Hà nam tức sự)*

*Nghe nói khoa này nghiêm cấm lắm  
Đêm hôm phải sợ phép quan Cò  
(Nhấn sĩ tử)*

Sau Tú Xương, dân Hà Nội cũng kháo nhau phải coi chừng cặp anh em sinh đôi là ông Cò và ông Cầm.

- Thằng Cầm tây ở với con vợ đầm, quanh nhà nó trồng nhiều hoa đẹp (2).
- Nhiều thằng (tây con) bị thương bỏ chạy. Chúng đi gọi đội xếp (cảnh sát, police) ở sở Cầm (commissariat) Hàng Đậu. Một tốp đội xếp, đi đầu là thằng sen đầm (hiến binh, gendarme) Tây... Chúng đưa các anh về bốp (poste) Hàng Đậu.

Cuộc đánh nhau được chỉ đạo (...), cả những việc nhỏ như chuẩn bị vũ khí thô sơ, những câu khiêu khích, những câu trả lời bọn đội xếp, mật thám, cò cầm (3).

Cò, Cầm là "hung thần" thời Pháp thuộc. Thành phố nào cũng có.

Cò, Cầm là commissaire của tiếng Pháp được Việt hoá.

Trong Nam cũng có ông Cò, ông Cầm. Lại còn có thêm:

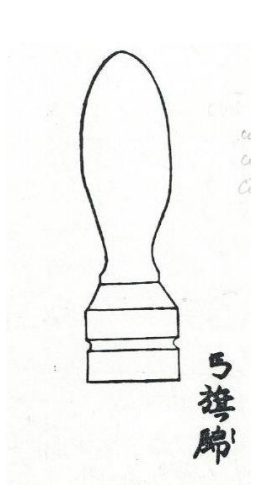
- Cò: tem (timbre) dán thư. Ngày trước ở miền Nam khi mới bày tem dán thư có vẽ hình một con cò nên người ta mới gọi tem là cò.
- Cò: (correcteur) người sửa lỗi bài ở toà báo, nhà in, cũng gọi là thầy cò (Tự điển Khai Trí).

Hàng ngày, ông Cò, ông Cầm phải làm hồ sơ, biên bản. Giấy tờ phải có ngày tháng, đóng dấu (ngày nay thường gọi là đóng triện) và ký tên.

Tại sao ngày xưa không gọi là đóng triện? Con dấu (hay cái mộc, cái ấn) khác cái triện ở chỗ nào?

Các cụ phân biệt:

- Cái triện là con dấu được khắc chữ triện (một kiểu viết chữ Hán).
- Con dấu của Cò, Cầm khắc chữ La tinh (a,b,c...), không phải là chữ triện, cho nên không được gọi là cái triện. Phải gọi là cái... Cái gì? Xin đọc hồi sau sẽ rõ...



Tranh Oger gọi cái triện ngày xưa của ông Cò, ông Cầm là Cái cò Cầm.

Tên nghe thật chướng tai. Kỳ cục, khó hiểu. Thế mới có cơ để... chúng ta bàn ngang tán đọc!

- Cò (chữ Nôm) là Kỳ (chữ Hán).

Chữ Hán có nhiều chữ Kỳ, đồng âm khác nghĩa. Trong số đó có Kỳ (bộ Phương) nghĩa là cái Cờ (Đầu voi phát ngọn cờ vàng. Giặc cờ Đen) và Kỳ (bộ Mộc) nghĩa là bàn cờ hay quân Cờ để chơi cờ (chiếu) tướng.

*Khi vui nước nước non non,  
Khi buồn lại giờ bàn son quân ngà.  
(Hồ Xuân Hương? Đánh cờ)*

Quân cờ thường được làm bằng gỗ, tiện tròn. Sang hơn thì làm bằng sừng hay ngà. Cả hai chữ Cờ (cái cờ, quân cờ) đều được chữ Nôm viết bằng chữ Kỳ (bộ Phương).

- Cầm (chữ Hán, bộ Kim) nghĩa là Gắm vóc (Cầm nang, Cầm tú, Cầm bào...).

Chữ Cầm của tranh Oger được đánh dấu, lưu ý người xem tranh rằng đây là chữ Nôm.

Phải đọc Nôm thế nào?

Olivier Tessier, Philippe Le Failler đọc chữ Cầm, theo nghĩa tiếng Việt, là Gắm. Các ông đọc tên tranh là Cái cò gắm (4).

Ai cũng biết rằng Gắm là một loại vải. Nước ta không có Cái cò gắm nào lại cứng đờ ngay cán cước như Cái cán gỗ tiện (Manche d'outil en bois tourné, Oger).

Cái cò gắm hay Cái cán gỗ tiện là đọc không đúng, là diễn dịch sai. Chữ Cầm của tên tranh là chữ Nôm giả tá, phải đọc theo âm Hán và hiểu theo nghĩa Việt. Cầm nghĩa là... ông Cầm (tiếng Việt... thời mới)!

**Tên tranh là Cái cò Cầm.**

Cái cò Cầm là con dấu của ông Cầm ngày xưa, được tiện tròn, giống quân cờ tướng. Pháp đã đưa con dấu tiện hình tròn vào Việt Nam. Sau này dân chúng gọi con dấu của Pháp là cái triện... cho tiện. Phổ biến nhất là triện của bưu điện đóng trên thư từ, bưu ảnh.

Cái cò Cầm là một bằng chứng của giao lưu văn hoá Tây, Tàu, Nôm! Một cỗ ba trùng! Xui thì... ngộp thờ luôn. Tú Xương còn đưa nhiều tiếng Pháp khác vào thơ Việt:

*Giật cái mè-đay (médaille) ném xuống sông  
Thôi thôi tôi cũng mét-xì (merci) ông  
(Cô tây đi tu)*

*Lọng cầm rợp trời quan sứ đến  
Váy lê quét đất mụ đầm (dame) ra  
(Khoa thi)*

*Sao bằng đi học làm thầy phán (fonctionnaire)  
Tối rượu sâm-banh (champagne), sáng sữa bò  
(Nho tàn)*

Gặp ván bài đen đã chẳng ù  
Nào ngờ lại gặp chú phi-lu (filou)  
(Bị mất hai hào)

Hơn hai chục năm sau Tú Xương, các nhà văn, nhà báo mới đưa nhiều tiếng Tây khác vào văn ta.

\*\*\*

## Cu-li

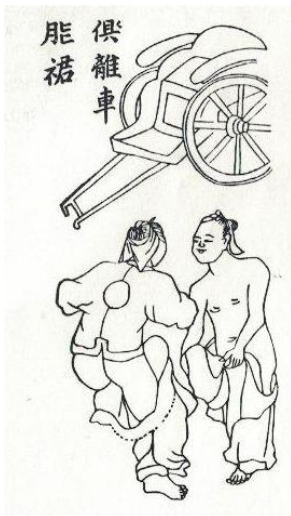
Ôi ! Cái tên cu-li của thời Pháp thuộc đen tối.

Ngay từ ngày mới đặt chân lên đất Việt Nam, đội quân viễn chinh của Pháp đã dùng người Việt làm cu- li (coolie).

Tháng 2 năm 1885, Pháp sửa soạn mở chiến dịch Lạng Sơn đã huy động bảy ngàn hai trăm lính (Pháp, Phi, Việt), sáu ngàn cu-li người Việt. Cu-li phải làm mấy việc nặng nhọc như khuân vác khí giới, vác cuốc, xẻng để mở đường, bắc cầu...(5). "Cu-li người Việt không ai chịu lên mạn ngược làm việc vì sợ bệnh tật, thổ phí Tàu. Chủ Pháp phải tuyển mộ cu-li Tàu.

Tại Hà Nội, các "quan lớn" Tây có cu-li xe chầu chục trước công sở, đưa đón tận nhà" (6).

Tranh Oger có nhiều tấm vẽ cu-li: cu-li xe đò quần, cu-li xe uống nước, cu-li tìm việc...



cu-li xe đò quần



cu-li tìm việc.

Cu-li là hạng người nào?

Lê Văn Hoè giải thích:

"Những người làm việc nặng nhọc như khuân vác đồ vật, kéo xe, làm đường v...v... người Âu gọi là cu-li.

Tiếng cu-li gốc ở tiếng Anh coolie. Coolie người Anh đọc là khu-lí. Tiếng khu-lí của người Anh lại gốc ở hai chữ khổ lực của người Tàu. Khổ lực người Trung Hoa đọc là khu lĩ, người Anh liền dịch theo nguyên âm ra làm coolie, đọc na ná như người Trung Hoa vậy.

Người Pháp mượn dùng chữ coolie của Anh và đọc theo giọng Pháp thành ra cu-li như ta vẫn gọi theo ngày nay. (Người Pháp hiểu lầm rằng cu-li gốc tự tiếng kuli của Ấn Độ)" (7).

Anh đi vay mượn, Pháp hiểu sai? Cần phải bàn thêm với Lê Văn Hoè

Trước hết, Lê Văn Hoè nói rằng từ Coolie người Anh đọc là Khu-lĩ. Quả thật đây là một trường hợp mới lạ về cách phát âm của tiếng Anh.

Nhưng, điểm cần phải bàn là: Cu-li là tiếng Anh hay tiếng Tàu? Tiếng nào có trước tiếng nào? Ai bắt chước ai?

Tự điển Larousse định nghĩa:

- Coolie (kuli, tiếng Anh gốc hindi): lao động người Á châu.

Tự điển Robert cho biết chi tiết hơn:

- Coolie (Culi, 1575; coly, coulie, XVII, tiếng Anh; tiếng Ấn Độ là koli): lao động, phu khuân vác người Hoa hay Ấn Độ.

Coolie (cu-li) là tiếng Anh, có nguồn gốc Ấn Độ. Đọc sử được biết thêm:

- Năm 1799, Wellesley chính thức mở đầu cuộc chinh phục nước Ấn Độ của đế quốc Anh.
  - Năm 1819, Anh kiểm soát toàn bộ nước Ấn Độ.
  - Năm 1840, Trung Hoa phá huỷ kho nha phiến của thương nhân Anh. Đế quốc Anh liền gây cuộc "chiến tranh nha phiến".
  - Trung Hoa thua trận, phải xin hoà và ký điều ước năm 1842: Cắt Hương Cảng nhường cho nước Anh và mở 5 cửa biển Quảng Châu, Hạ Môn, Phúc Châu, Ninh Ba và Thượng Hải cho người Anh buôn bán và đặt lãnh sự. Trung Hoa phải bồi thường phí tổn chiến tranh cho Anh.
  - Năm 1860, Trung Hoa lại phải ký điều ước Bắc Kinh, mở thêm 7 nơi khác cho người Âu buôn bán.
- Kể từ năm 1842, người Anh đã có chỗ đứng tại Trung Hoa. Các thương cảng của Anh cần nhiều phu khuân vác. Người Anh đã thuê cu-li Tàu như đã từng làm tại nước láng giềng Ấn Độ.

Từ Coolie (gốc Ấn Độ) đã có từ trước khi người Anh xâm chiếm, buôn bán với Tàu.

Chủ Pháp phải tuyển mộ cu-li Tàu vì khu-lí Tàu chưa ra đời. Không phải người Anh đã phiên âm khu-lí của Tàu thành coolie như Lê Văn Hoà nhằm tưởng... lộn tung phèo.

Các học giả, sử gia Trung Hoa đã phiên âm từ coolie của tiếng Anh thành khu-lí (âm Hán Việt là khổ lực). Khổ lực là từ mới, ít được dùng trong sách báo của người Việt.

- Đại Nam quốc âm tự vị (Huỳnh Tịnh Của, 1895), Dictionnaire Annamite- Français (J.F.M. Génibrel, 1898), Dictionnaire Annamite-Français (Jean Bonet, 1900), Việt Nam tự điển (Khai Trí Tiến Đức, 1931), Việt Hán thông thoại tự vị (Đỗ Văn Đáp, 1933), Hán Việt tự điển (Thiều Chửu, 1942), Tự điển ViệtNam (Khai Trí, 1971), Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê, 1988), không có Khổ lực. Khổ lực có trong các sách:
  - Hán Việt Từ điển (Đào Duy Anh, 1931), Tự điển Việt-Hoa-Pháp (Gustave Hue, 1937), Hán Việt tân từ điển (Hoàng Thúc Trâm, 1951), Việt Nam tự điển (Lê Văn Đức, 1970), Giúp đọc Nôm và Hán Việt (Trần Văn Kiệm, 2004).

Có thể phỏng đoán rằng Khổ lực bắt đầu có trong sách báo xuất bản tại Việt Nam vào khoảng những năm 1925-1930. Khổ lực không thông dụng, thậm chí không có trong từ điển xuất bản năm 1988.

Hoàng Thúc Trâm cho biết rằng từ điển do ông biên soạn năm 1951 "*Chỉ chuyên chú vào những tân danh từ Hán- Việt (...) là loại danh từ mới, thường thấy trên mặt sách, báo quốc văn hằng ngày. Tựu trung cũng giới thiệu thêm một số danh từ mới đã dùng ở Hán văn mà chưa nhập tịch trong văn Việt*".

Cho đến tận ngày nay, văn thơ của ta dùng rất nhiều từ Hán Việt có chữ Khổ: khổ ải, khổ công, khổ cực, khổ não, khổ nhục, khổ sở, khổ tâm, v...v... Đủ kiểu, đủ loại khổ. Nhưng dường như **chưa có sách báo nào đưa ra một câu văn hay lời nói có Khổ lực**.

Xin trở lại với cu-li...

- Cu-li xe tại nước ta trải qua nhiều cơn thăng trầm.

Trước khi bị Pháp xâm chiếm, nước ta dùng cáng.

*Em đi cùng với mẹ,  
Me em ngồi cáng tre  
Thầy theo sau cưỡi ngựa  
Thắt lưng dài đỏ hoe.*

(Nguyễn Nhược Pháp, Chùa Hương)

Năm 1884, trú sứ Bonnal cho nhập từ Nhật hai chiếc xe kéo (djinn-rickshaws), một chiếc dành cho tổng đốc, chiếc kia dùng làm mẫu cho thợ bản xứ bắt chước làm (8).

Chỉ một, hai năm sau, Hà Nội có xe kéo (hay xe tay) chở khách. Một nhà báo nữ kể chuyện đi xe kéo tại Hà Nội, năm 1886:

*"Đệm xe chỉ có một chỗ ngồi, (nếu đi hai người thì phải ngồi chật cứng). Phía trước, một cu-li mình trần nắm hai càng xe, vừa kéo vừa chạy. Một cu-li khác đẩy đằng sau. Khách ngồi lắc lư. Đường dài thì có lẽ sẽ ngất ngư như bị cối xay vẫn" (9).*

Cái cồng bị cái xe kéo hất căng. Tản Đà ngao ngán cho cái "tiền bộ" từ khiêng lên kéo...

*Đời thế, anh ơi, thế cũng khoe,  
Hết trò phu cồng lại phu xe!  
Vấn mình chừng mấy ki lô mét,  
Tiền bộ như anh nghĩ chán phê.*

(Tản Đà, Cái đờn cồng cùng người phu xe)

Tú Mỡ cũng chê trách cái xe kéo:

*Ơn Trời mắt sáng chân tay lành,  
Xe đạp trèo lên phóng rất nhanh,  
Hà tất xe nhà đầy tớ kéo.  
Chẳng là không hợp lẽ trời sinh.*

(Tú Mỡ, Chồng gàn, 1934)

Năm 1932, Tam Lang tình nguyện khoác áo cu-li xe để viết phóng sự Tôi kéo xe. Ước mơ của Tam Lang là xe kéo sớm trở thành xe ba bánh (triporteur), chấm dứt cảnh người kéo người. Thế rồi... Cái xe kéo được cái xích lô (cyclo) ba bánh thay thế.

*"Buổi chiều ở Hàng Ngang. Tuy là thành phố đã ra lệnh đi một chiều, xe cộ vẫn làm tối cả mắt người ta lại. Xe đạp, xe mô tô, xe xích lô, xe vé-lô-sô-lếch, xe ô tô và cả những thứ xe gì?"*

(Vũ Bằng, Hà Nội ăn cắp, 1953)

Xích lô thăng trầm cùng vận nước. Từ buổi đầu đến ngày cuối.

*"Chị gánh nước vút đôi thùng bên máy  
Bạn truy lùng bọn lính kín trốn chui  
Chú bán cà rem, anh xích lô rất vội  
Những người chủ mới của Sài Gòn".*

(Hường Triều, Bài ca khởi nghĩa, 1967)

\*\*\*\*

Bước sang thế kỷ 21, nhiều thành phố bỏ xích lô, tiến lên... xe ôm.

Xích lô "xấu" bị cấm. Chỉ cho phép xích lô "đẹp" chở khách du lịch đi ngắm phố phường.

Xe ôm bình đẳng. Chủ khách cùng ngồi một đệm, cùng hít thở khói xăng. Cùng chịu nạn kẹt xe.

Xã hội tiến không ngừng. Từ khiêng tiến lên kéo, rồi bỏ kéo quay sang đạp, rồi bỏ đạp xích lại ôm. Ôm là chạng chót chạng?

\*\*\*

Chuyện Cò cấm, cu-li... Biết rồi! Khổ lực! Nói mãi!

(Xin lỗi Vũ Trọng Phụng. Biết rồi! Khổ lắm! Nói mãi! Đầu óc mê muội, tưởng là Khổ lắm là... dịch từ Khổ lực).

Nguyễn Dư  
(Lyon, 1/2025)

- (1)- Philippe Papin, Histoire de Hanoi, Fayard, 2001, tr. 264-269.
- (2)- Nguyễn Công Hoan, Nhớ và ghi về Hà Nội, Trẻ, 2004, tr. 81.
- (3)- Tuyển tập Hoàng Ngọc Phách, Văn Học, 1989, tr. 175.
- (4)- Olivier Tessier, Philippe Le Failler, Henri Oger, Technique du peuple Annamite, EFEO, 2009.
- (5)- Docteur Hocquard, Une campagne au Tonkin, Arléa, 1999, tr. 449.
- (6)- L'illustration, L'Indochine, Le livre de Paris, 1987, tr. 103-104.
- (7)- Lê Văn Hoè, Tầm nguyên từ điển, Quốc học thư xã, 1941, tr. 54.
- (8)- André Masson, Hanoi pendant la période héroïque 1873-1888, Geuthner, 1929, tr. 168.
- (9)- Edouard Petit, Le Tong- kin, Lecène et Oudin, 1888, tr.186.